

TẬP ĐOÀN CN THAN-KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1206 /CV-TVD-VT
“Về việc báo giá vật tư”

Uông Bí, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Quý các Nhà cung cấp.

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đang có nhu cầu mua sắm một số vật tư, hàng hóa để phục vụ sản xuất (có bảng danh mục vật tư kèm theo).


Do có sự biến động về giá cả vật tư trên thị trường hiện nay, để có cơ sở lập dự toán mua sắm vật tư về phục vụ sản xuất. Kính đề nghị các Nhà cung cấp có quan tâm căn cứ vào khả năng và năng lực của mình để báo giá các vật tư theo bảng danh mục vật tư trên, có thể báo giá một số danh mục vật tư hoặc toàn bộ danh mục vật tư. Khi gửi báo giá phải có đầy đủ các nội dung theo mẫu báo giá (có mẫu báo giá kèm theo công văn).

Báo giá có thể nộp trực tiếp hoặc gửi thư bảo đảm đến địa chỉ: Văn Phòng Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin; Số 969 đường Bạch Đằng, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp báo giá phải xuất trình CMND/CCCD của bản thân và giấy giới thiệu của Nhà cung cấp.

Điện thoại: 0203.3853104; Fax: 0203.3853120; Gmail: vangdanhcoal@vnn.vn

Thời hạn nộp bản báo giá: 10 giờ 30 phút, ngày 08/ 6 /2026.

Rất mong Quý Nhà cung cấp quan tâm, phối hợp.

Trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, VP

GIÁM ĐỐC



Hà Quốc

DANH MỤC VẬT TƯ BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 1206 /CV-TVD-VT, ngày 02/ 6 /2026)

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Găng tay da thợ hàn		Đôi	38	
2	Mặt nạ hàn + kính hàn		Bộ	2	
3	Xăng	loại I	Cái	537	
4	Kính bảo hộ lao động		Cái	18	
5	Kính hàn		Cái	45	
6	Cánh quạt gió làm mát động cơ	18,5kW-1460 r/min	Cái	10	
7	Dây điện PVC Cadisun	1x1,5	Mét	836	
8	Cáp hàn	1x50	Mét	600	
9	Dây điện PVC Cadisun	2x1,5	Mét	630	
10	Dây điện PVC Cadisun	2x4	Mét	164	
11	Dây điện PVC Cadisun	2x6	Mét	20	
12	Dây Điện thoại	2x0,5	Mét	1.000	
13	Băng dính cách điện hạ áp	1000V KT: 1.9x1000mm	Cuộn	200	
14	Băng dính cách điện Nano	1000V : KT :18mmx20Y	Cuộn	349	
15	Băng vải thủy tinh cách điện	1000V, KT: 2cm x 3600cm	Cuộn	20	
16	Bìa canh cơ rít	2mm	m ²	19	
17	Băng lụa vàng thủy tinh cách điện		m ²	50	
18	Ống ghen thủy tinh	Φ6mm	Mét	400	
19	Ống ghen thủy tinh	Φ8mm	Mét	90	
20	Băng dính tự liên kết cao thế	D 20	Cuộn	245	
21	Bút thử điện	1000V	Cái	1	

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
22	Ghen thủy tinh	Φ2	Mét	350	
23	Ống ghen thủy tinh	Φ3	Mét	400	
24	Băng vải trắng thô		Cuộn	40	
25	Que hàn	Φ2,5mm	Kg	355	
26	Que hàn	Φ3,2mm	Kg	325	
27	Que hàn thép trắng	Φ4 KST - 308	Kg	1.040	
28	Que hàn thép trắng	Φ 2,5mm, KST-308	Kg	30	
29	Băng dính trắng nhỏ		Cuộn	230	
30	Van nước	DN 100/40 at	Cái	3	
31	Van thép 1 chiều	DN 150/25at	Cái	6	
32	Van nước tay gạt inox	Sus 304 DN 15/10 at (kèm cả nút nối 2 đầu)	Bộ	15	
33	Van an toàn nổi hơi	DN40/25 at	Cái	5	
34	Van hơi inox	SUS 304 DN 50/16at	Cái	11	
35	Van hơi inox	SUS 304 DN 20/16at	Cái	20	
36	Van đồng gạt 2 đầu ren	Φ42	Cái	3	
37	Van hơi inox	SUS 304 DN 100/16at	Cái	1	
38	Van Inox	Sus 304 DN 100/16at	Cái	16	
39	Cáp điện Cadisun	Cu/XLPE/PVC 3x35+1x16 mm ² 0,6/1kV	Mét	200	
40	Cáp điều khiển	20x1,5	Mét	500	
41	Cáp điều khiển	10x1,5; 0,6/1KV	Mét	300	
42	Van thép 1 chiều	DN 200/25at	Cái	3	
43	Van một chiều mặt bích (Inox)	DN125-JIS10K - PN10	Cái	4	

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
44	Đồng hồ đo nước sạch Zenner DN50	kết nối đường ống bằng rắc co Thân bằng đồng, gang; áp lực làm việc: 0,3-:-16 bar; Qmax: 3m ³ /h; Nhiệt độ làm việc (max): 50 độ C, dạng cơ số, sai số ±5% - T	Cái	6	
45	Đồng hồ đo nước sạch Zenner DN40	kết nối đường ống bằng rắc co Thân bằng đồng, gang; áp lực làm việc: 0,3-:-16 bar; Qmax: 3m ³ /h; Nhiệt độ làm việc (max): 50 độ C, dạng cơ số, sai số ±5% - T	Cái	4	
46	Ống nhựa PVC Tiên Phong	Φ110 C3 (PN8) L=4m/ống	Mét	1.081	
47	Ống nhựa PPR	DN90, PN10	Mét	120	
48	Ống nhựa PPR	DN110, PN10	Mét	120	
49	Cút nhựa PPR	DN110, 90°	Cái	10	
50	Đầu nối thẳng PPR	DN110	Cái	15	
51	Van PPR Tiên Phong	Φ32	Cái	7	
52	Van rắc co HDPE Dismy	Φ25	Cái	10	
53	Ống nhựa PVC Tiên Phong	Φ160 C3 (PN8) L=4m/ống	Mét	440	
54	Ống nhựa PVC Tiên Phong	Φ225 C3 (PN8) L=4m/ống	Mét	40	
55	Cút nhựa PVC Dismy	Φ110 (PN10) 90°	Cái	483	
56	Ống nhựa Dismy	D110, C=2u.PVC PN8, L=4m/ống	Mét	3.060	
57	Cút nhựa PVC Dismy	Φ110 (PN10-135°) (45°)	Cái	572	
58	Cút nhựa PVC Dismy	Φ160 (PN8-135°) (45°)	Cái	233	
59	Cút nhựa PVC Dismy	Φ160 (PN10) 90°	Cái	292	

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
60	Cút nhựa PVC Dismy	Φ225 (PN10-135°) (45°)	Cái	9	
61	Cút nhựa PVC Dismy	Φ225 (PN10-90°)	Cái	10	
62	Ba chạc PVC Dismy	Φ110	Cái	115	
63	Ba chạc PVC Dismy	Φ160	Cái	76	
64	Ba chạc đều PVC Tiên Phong	Φ225, PN10	Cái	1	
65	Động cơ máng cào SKAT-80 phòng nổ	ExdI 18,5 KW; 1460v/p; Điện áp (380/660V) tần số 50 Hz cấp cách điện F; Cos $\Phi \geq 0,85$ vòng bi nhật hoặc SKF. Động cơ gói đỡ trước dùng bi trụ, gói đỡ sau dùng bi cầu	Cái	15	
66	Con rùa lăn 12 tấn Kawasaki CRA-8	Model: Rùa 12 tấn. Trọng tải: 12 tấn. Số bánh xe: 8. Chất liệu: Thép đúc + PU. Mâm xoay: 360 độ. Kích thước: 50x23x13 cm	Cái	4	
67	Ắc quy tia sáng	N200S 12V-182Ah	Bình	6	
68	Ắc quy tia sáng	N150S 12V-140AH	Bình	2	
69	Ắc quy khô tia sáng	12V-100 Ah	Bình	3	
70	Đồng hồ vạn năng KYORITSU	1000V - 1109	Cái	13	
71	Đồng hồ Mê gôm KYORITSU	1000V - 3166	Cái	6	
72	Dung dịch Axit H ₂ SO ₄	12lít/can (Tỷ trọng 1,28 g/cm ³)	Can	2	
73	Dung dịch Axit H ₂ SO ₄	15lít/can (Tỷ trọng 1,28 g/cm ³)	Can	78	
74	Que hàn	N46 Φ4 Việt Đức	Kg	5.265	

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
75	Hộp công tắc giật dây. Kiểu tác động: Hai chiều/lò xo	Thông số vận hành: 15A, 125/250VAC 0.6A, 125VDC 0.3A, 250VDC Cấp bảo vệ: IP 65 theo EN 60529	Cái	30	
76	Ống HDPE Europipe	D32 dày 3mm	Mét	40	
77	Cút góc HDPE 100 Europipe	ĐK110; loại 90°; PN12,5 có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép $\Phi 214 \times 14$; 8 lỗ $\Phi 18$; tâm lỗ $\Phi 180$	Cái	137	
78	Van rắc co Europipe	32x32 PN16	Cái	7	
79	Cút góc HDPE 100 Europipe	ĐK110; loại 120°; PN12,5 có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép $\Phi 214 \times 14$; 8 lỗ $\Phi 18$; tâm lỗ $\Phi 180$	Cái	6	
80	Ống nhựa HDPE 80 Europipe	ĐK160, PN12,5x14,6 L=4m/ống có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép $\Phi 280 \times 16$; 8 lỗ $\Phi 22$; tâm lỗ $\Phi 240$	Ống	595	
81	Cút 3 chạc HDPE 100 Europipe	ĐK110; PN 12,5 có hàn mặt bích nhựa 3 đầu; kèm 3 bích thép $\Phi 214 \times 14$; 8 lỗ $\Phi 18$; tâm lỗ $\Phi 180$	Cái	22	
82	Cút góc HDPE 100 Europipe	ĐK110; loại 45°; PN12,5 có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép $\Phi 214 \times 14$; 8 lỗ $\Phi 18$; tâm lỗ $\Phi 180$	Cái	49	



STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
83	Cút góc HDPE 80 Europipe	ĐK90; loại 90°; PN 12,5 có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép Φ195x12; 8 lỗ Φ18; tâm lỗ Φ160	Cái	26	
84	Ống nhựa HDPE 100 Europipe	ĐK110; PN16x10; L=6m/ống có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép Φ214x16; 8 lỗ Φ18; tâm lỗ Φ180	Ống	1.082	
85	Ống nhựa HDPE 80 Europipe	ĐK90; PN12,5x8,2; L=6m/ống có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép Φ195x12; 8 lỗ Φ18; tâm lỗ Φ160	Ống	444	
86	Ống nhựa HDPE 80 Europipe	ĐK 250, PN12,5x22,7; L=6m/ống có hàn mặt bích nhựa; kèm 2 bích thép Φ 395x22; 12 lỗ Φ22; tâm lỗ Φ350	Ống	40	
87	Cút góc HDPE 80 Europipe	ĐK 250, loại 90° PN12,5 có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép Φ 395x22; 12 lỗ Φ22; tâm lỗ Φ350	Cái	10	
88	Cút góc HDPE 80 Europipe	ĐK 250, loại 120° PN12,5 có hàn mặt bích nhựa 2 đầu; kèm 2 bích thép Φ 395x22; 12 lỗ Φ22; tâm lỗ Φ350	Cái	10	
89	Cột bích thép VC1-1	SVP17 L=2,7m	Cột	100	
90	Cột bích thép VC2-1	SVP17 L=2,8m	Cột	500	
91	Cột bích thép	VC1- LB, SVP17, không sơn	Cột	100	
92	Cột bích thép	VC2- LB, SVP17, không sơn	Cột	90	

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
93	Cột bích thép	VC3- LB, SVP17, không sơn	Cột	150	
94	Tà vệt ghi gỗ rừng trồng (Bạch đàn + keo)	KT: 0,14 x 0,19m, L=1,8m -:- 2,8m Đai 2 đầu bằng thép Φ3mm	m ³	16,944	
95	Tà vệt gỗ xẻ 2 mặt L=1,6m	(Gỗ keo) H= 13-:-14 cm, Φ17cm-:- 21cm, đai 2 đầu bằng thép Φ3mm	m ³	144	
96	Tà vệt gỗ xẻ 2 mặt L=1,2m	(Gỗ keo) H= 13-:-14 cm, Φ17cm-:- 21cm đai 2 đầu bằng thép Φ3mm	m ³	45	
97	Máy bắn mìn phòng nổ	HZK-100/0.45A	Cái	10	
98	Đầu báo rò gas Shinwoo		Cái	6	
99	Bộ kẹp tích chờ ray	bao gồm: 01 kẹp+04 bộ gu dông M30x495 hai bộ ê cu, hai đầu ren L=80mm	Bộ	3	
100	Pin của máy đo khí đa năng Gx-3R Pro	Mã hiệu: BUL-3R	Cái	40	
101	Gạch Nucewall	KT:200x500x100mm	Viên	2.500	
102	Phốt chắn dầu	KT 120x160x14	Cái	20	
103	Phốt chắn dầu	KT 110x140x14	Cái	20	
104	Phốt chắn dầu	KT 160x190x16	Cái	20	
105	Phốt chắn dầu	KT 170x210x16	Cái	20	
106	Phốt chắn dầu	KT 105x145x14	Cái	20	
107	Phốt chắn dầu	KT 105x130x14	Cái	20	
108	Phốt chắn dầu	KT 140x170x16	Cái	20	
109	Phốt	KT: 275x303x308x38 (kèm vành sắt)	Bộ	10	

STT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
110	Phốt chắn dầu	KT 65x80x9	Cái	20	
111	Phốt chắn dầu	KT 63x78x10	Cái	20	
112	Van điện thủy lực 2 cửa – 2 vị trí	Loại van: Van điện từ. Kiểu van: 2 cửa – 2 vị trí (2/2 way). Kiểu lắp: Lắp đế. Đường kính cổng kết nối: 1/4". Áp suất làm việc tối đa: ~315 bar. Áp suất đường hồi tối đa: ~140 bar. Nguồn cấp coil: DC24V. Khoảng cách lỗ bắt bulong: 4 lỗ M5, Khoảng cách bulong: 31 mm × 40.5 mm.	Cái	1	
113	Van điện thủy lực 4 cửa – 3 vị trí	Loại van: Van điện từ; Kiểu van: 4 cửa – 3 vị trí (4/3 way); Kiểu lắp: Lắp đế; Đường kính cổng kết nối: 1/4"; Áp suất làm việc tối đa: ~315 bar; Áp suất đường hồi tối đa: ~140 bar; Nguồn cấp coil: DC24V; Khoảng cách lỗ bắt bulong: 4 lỗ M5; Khoảng cách bulong: 31 mm × 40.5 mm; Vị trí: (Coil trái : P → A, B → T; Giữa : A, B → T; P đóng Coil phải : P → B, A → T)	Cái	1	
114	Cáp điện mềm 3 lõi	Model H05VV-F 3x1,5mm ²	Mét	50	
115	Bộ đầu đo áp lực giá kiểm áp cột thủy lực có lắp đồng hồ đo áp lực loại có dầu	0-60 MPa	Bộ	30	
116	Bộ lọc khí	TL 2000 - 02	Cái	11	
117	Gioăng YMA	KT: 65x85x10	Cái	10	

(Lô gô đơn vị nếu có)

Tên đơn vị báo giá

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Mã số thuế:.....

Tài khoản:.....ngân hàng:.....

....., ngày.....tháng.....năm 202....

BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Than Vàng Danh Vinacomin

Chúng tôi xin trân trọng gửi tới Công ty báo giá hàng hóa nội dung cụ thể như sau:

*** Tên vật tư hàng hóa, số lượng, giá cả.**

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ ký mã hiệu/ thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1								-
2								-
Giá hàng hóa chưa có thuế GTGT								
Thuế GTGT%								
Tổng giá trị hàng hóa đã có thuế GTGT, phí giao hàng đến kho bên mua								

Tổng số tiền bằng chữ:

- Địa điểm giao hàng:** Tại kho Bên mua.
- Chất lượng hàng hoá:** Hàng mới 100% sản xuất năm.....
- Thời gian, tiến độ giao hàng:** Trong vòng ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực .
- Thời gian bảo hành:** tháng cho những lỗi của nhà sản xuất kể từ ngày giao hàng.
- Thanh toán:** 100% giá trị thực hiện hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày có đầy đủ thủ tục thanh toán theo quy định.
- Hiệu lực của chào giá:** Trong vòng ngày kể từ ngày mở hồ sơ chào giá./
- Các nội dung cần thiết khác:**.....

Mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu)